

Bản tin chứng khoán

Trong số này

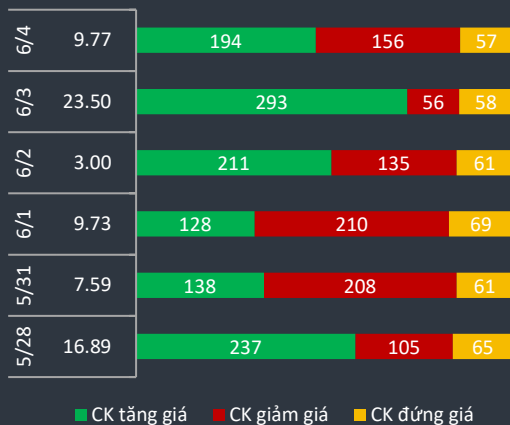
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

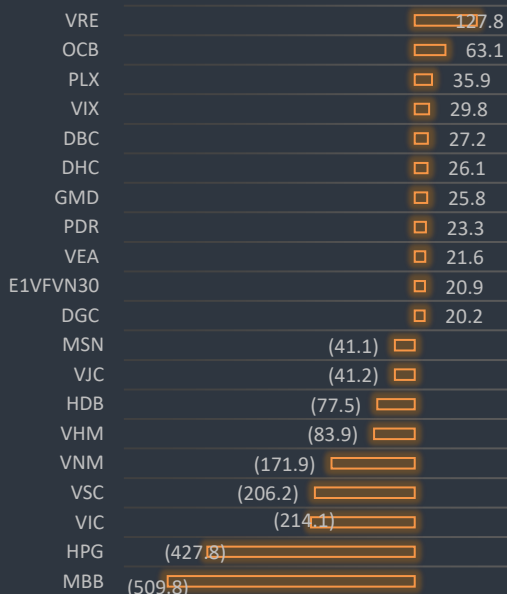
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thị trường tiếp tục lập đỉnh cao mới 1374 trong ngày với chỉ số Vnindex tăng gần 10 điểm. Thanh khoản riêng sàn HOSE tiếp tục lập kỷ lục mới gần 30 ngàn tỷ. Điểm khác biệt trong phiên hôm nay là chỉ số Vnindex tăng điểm nhờ nhóm ngành dầu khí và các ngành liên quan như GAS, PLX, POW và thêm nhóm Vingroup như VRE, VIC thúc đẩy chỉ số. Các nhóm ngành trụ quan trọng như ngân hàng, chứng khoán giảm bớt vai trò dẫn dắt thị trường.

Nhóm chứng khoán có hơn 1/2 điều chỉnh trong đó nặng nhất là HBS, WSS, ORS trong khi phía tăng điểm còn TVB, CTS, APG. Nhóm CP đầu ngành VND, VCI, SSI, HCM xoay quanh tham chiếu.

Nhóm ngân hàng chia làm hai nửa xanh đỏ khá rõ rệt. Phía giảm điểm mạnh nhất có BAB, STB, VCB, LPB nhưng mức điều chỉnh không đáng kể - dưới 2%. Phía tăng điểm khả quan hơn với nhóm dẫn đầu OCB, MSB, SSB, EIB tăng trên 5%. Các mã TPB, VPB, MBB xanh nhẹ trong khoảng 1%.

Giao dịch thị trường ngày càng nóng lên và dẫn đến suy nghĩ hoạt động margin đang căng cứng ở nhiều công ty chứng khoán. Rõ ràng là khi càng nhiều nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán thì nhu cầu margin sẽ gia tăng theo tương ứng. Chưa kể thị trường đang tăng trưởng nóng thì nhu cầu margin còn căng thẳng hơn nhiều lần. Dù nhiều công ty chứng khoán đã cấp tập tăng vốn khủng và cả dòng vốn từ các công ty chứng khoán ngoại dồi dào cũng không kịp đáp ứng nhu cầu thị trường trong thời gian ngắn. Khi margin lên đến mức tới hạn thì các công ty buộc lòng phải siết lại các giới hạn cho vay để đảm bảo rủi ro và điều này trực tiếp ảnh hưởng dòng tiền của nhà đầu tư. Ít nhất việc này nếu xảy ra đồng thời ở nhiều công ty chứng khoán lớn sẽ làm nghẽn dòng tiền ngắn hạn và tất yếu sẽ làm ảnh hưởng lên thị trường. Tuy nhiên cho đến nay các công ty chứng khoán đã gần như hoàn toàn chủ động dòng tiền margin và có cơ chế quản trị rủi ro tốt hơn trước vì vậy nếu thị trường có đảo chiều thì khả năng chạm margin phải giải chấp cũng giới hạn và chỉ diễn ra vài phiên.

Vnindex 1,374.05

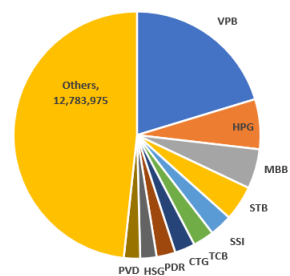
▲ +9.7 (+0.72%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VRE	32.2	1,700	5.57
GVR	29.9	1,400	4.91
PDR	81.8	3,500	4.47
BVH	57.1	2,200	4.01
GAS	91.4	3,100	3.51
PLX	57.2	1,800	3.25
POW	13.1	400	3.15
MSN	107.3	2,300	2.19
VIC	121.0	2,500	2.11
TPB	39.0	750	1.96
VPB	71.7	1,100	1.56
MBB	41.6	400	0.97
CTG	54.0	400	0.75
VJC	107.4	500	0.47
BID	49.0	200	0.41
HPG	54.5	200	0.37
VIB	74.0	-	-
BCM	52.0	-	-
SAB	153.7	(200)	(0.13)
SSI	48.8	(150)	(0.31)
DHG	94.3	(300)	(0.32)
TCB	54.6	(200)	(0.36)
PNJ	100.6	(600)	(0.59)
FPT	84.7	(500)	(0.59)
REE	57.4	(400)	(0.69)
VNM	89.5	(700)	(0.78)
NVL	139.8	(1,200)	(0.85)
VHM	104.5	(900)	(0.85)
HDB	35.5	(350)	(0.98)
MWG	137.5	(1,500)	(1.08)
ACB	45.3	(600)	(1.31)
HVN	26.6	(400)	(1.48)
VCB	104.9	(1,800)	(1.69)
STB	32.2	(600)	(1.83)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)

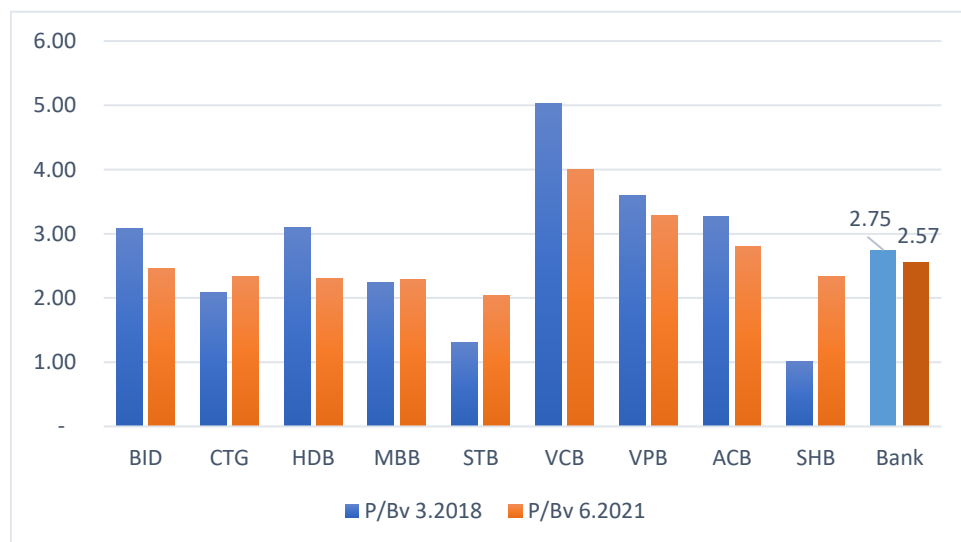


Nếu so sánh thị trường hiện tại với đỉnh cao hồi năm 2018 thì có thể nhìn nhận dù chỉ số index đã vượt mốc rất xa nhưng PE bình quân của thị trường cũng chỉ ở mức 20 – so với mức 26 hồi năm 2018. Đặc điểm chung của hai đợt tăng nóng này đều nằm ở nhóm cổ phiếu ngân hàng với hàng loạt cổ phiếu vượt đỉnh. Lý do này cũng xác đáng vì lợi nhuận các doanh nghiệp trên sàn cũng tập trung nhiều nhất ở nhóm ngân hàng so với các nhóm ngành khác.

Thống kê ở nhóm ngân hàng cho thấy P/Bv trung bình thời điểm hiện tại quanh mức 2.57 - không cách xa quá nhiều so với thời điểm tháng 3.2018 là 2.75. Ở chỉ số PE thì PE trung bình ngành ngân hàng hiện tại khoảng 17.5, có thể xem là vẫn còn rẻ so với thời điểm tháng 3.2018 là 20.5.

Dòng tiền năm nay so với thời điểm 2018 rất khác nhau và bối cảnh thị trường cũng khác biệt rất nhiều. Không thể phủ nhận năm nay hầu hết các doanh nghiệp đều kinh doanh khó khăn hơn và chỉ có một số ít ngành được hưởng lợi do dịch bệnh. Dòng tiền cho đến cuối tuần qua chưa có tín hiệu phân phối và vẫn xoay vòng rất dỗi dằn. Mặc dù vậy chúng tôi cho rằng nhiều cổ phiếu đã trở nên đắt hơn và gần như đã chạm vào vùng giá kỳ vọng của năm. Nhà đầu tư đã có thể chốt lãi dần các mục tiêu đạt lợi nhuận và hạn chế mua ở vùng giá cao. Các nhóm cổ phiếu nắm giữ an toàn hiện tại vẫn xoay quanh các nhóm ngành ngân hàng, thép, chứng khoán, dầu khí.

P/Bv cổ phiếu ngân hàng so sánh với 3.2018



HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

PVD	6.83
FTM	6.83
JVC	6.85
PXS	6.92
OGC	6.92
PVT	6.93
RIC	6.94
SAV	6.96
RDP	6.96
GEX	6.97
SCR	6.98
SHA	7.00
CLG	7.14
TVB	9.03
ATG	10.00
DIC	12.50
LMH	13.46

Top tăng giá HNX

TXM	5.56
TVC	6.67
DBT	6.76
OCH	6.90
VC7	7.46
PVG	7.69
NRC	9.00
PVB	9.41
LDP	9.43
APP	9.46
KKC	9.49
PVC	9.65
S99	9.66
CAG	9.68
SDU	9.80
PSI	9.82
PTI	9.97
PVS	10.00
C69	10.00
PVX	11.11
NDF	11.11
DNY	12.00
KSK	14.29
SGO	14.29
MEC	14.29
HNH	14.81

TRS - Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải - Năm 2021, Công ty dự kiến doanh thu thuần đạt 610 tỷ đồng, tăng gần 4% so với thực hiện năm 2020; lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 19 tỷ đồng, tăng 17,3%. Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến 20%.

AAT - Công ty cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa - Năm 2021, Công ty đặt chỉ tiêu kinh doanh với tổng doanh thu 500 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 50 tỷ đồng, lần lượt tăng 74% và 257% so với thực hiện năm ngoái. Tỷ lệ cổ tức dự kiến 8%.

TTT - CTCP Du lịch - Thương mại Tây Ninh - Năm 2021, TTT dự báo tình hình dịch bệnh Covid-19 sẽ còn diễn biến phức tạp, kéo dài sẽ ảnh hưởng mạnh đến kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Công ty đặt mục tiêu doanh thu 112 tỷ đồng, xấp xỉ 2020 và lỗ gần 4 tỷ đồng (năm trước lãi 3 tỷ đồng).

ACB - Ngân hàng TMCP Á Châu - Ngày 10/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 11/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 25%, tương ứng ACB sẽ phát hành thêm hơn 540,38 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

PRT - Tổng công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP - Sẽ thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 với chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ dự kiến đạt 1.833 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế là 284 tỷ đồng; chia cổ tức 6%.

SVD - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng - Năm 2021, Công ty đặt chỉ tiêu kinh doanh với tổng doanh thu 370 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 5,5 tỷ đồng, lần lượt tăng 12% và 15,7% so với thực hiện năm ngoái.

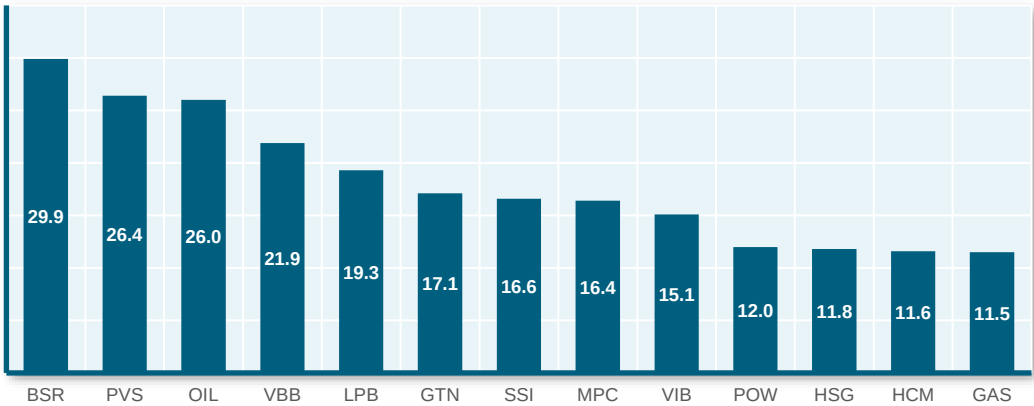
Trong năm 2021, Công ty dự kiến tăng vốn điều lệ từ 129 tỷ đồng lên 258 tỷ đồng. Theo đó, SVD sẽ phát hành 12,9 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị là 129 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ phát hành 1:1.

KDC - Công ty cổ phần Tập đoàn KDIO - HĐQT KIDO sẽ trình kế hoạch doanh thu thuần 11.500 tỷ đồng cùng lợi nhuận trước thuế 800 tỷ đồng trong năm nay. Kết quả các chỉ tiêu này trong năm 2020 là 8.324 tỷ đồng và 416 tỷ đồng.

KIDO sẽ bàn thảo về vấn đề chuyển đổi mô hình kinh doanh. Cụ thể, Tập đoàn đảm nhận thực hiện phân phối, bán sản phẩm dầu ăn, kem, bánh kẹo, cà phê và các sản phẩm thiết yếu khác ra thị trường qua các kênh bán hàng. Còn các công ty thành viên thuộc KIDO sẽ tập trung vào sản xuất.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

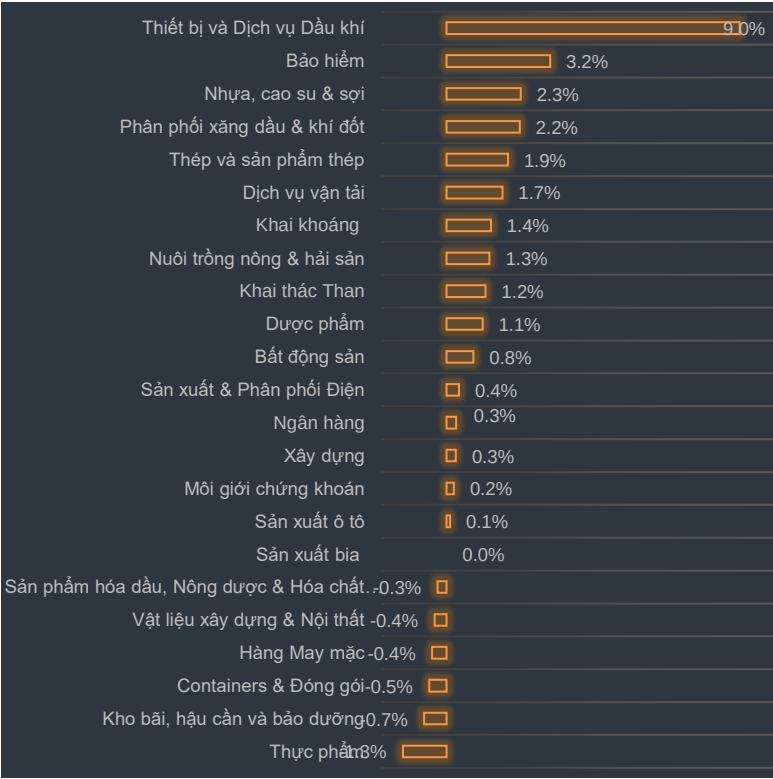
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	HOSE	24.7	5,990,691	11.1	1.5	-	-	14,111	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	45.3	9,488,100	10.3	2.6	111,100	138,200	97,919	30.00	4,419	17,547
BAB	HNX	30.3	399,959	32.3	2.5	-	2,500	21,468	-	939	12,064
BID	HOSE	49.0	5,939,600	23.3	2.4	224,800	19,000	197,079	16.66	2,103	20,453
CTG	HOSE	54.0	12,980,000	11.3	2.2	26,300	757,300	201,064	25.23	4,761	24,665
EIB	HOSE	33.4	1,397,700	46.8	2.4	44,900	20,500	41,063	29.84	713	13,822
HDB	HOSE	35.5	9,321,600	8.7	2.1	715,000	2,888,800	56,499	17.41	4,066	16,572
LPB	UPCOM	33.4	13,580,700	14.9	2.4	140,400	525,700	35,893	3.51	2,239	14,059
MBB	HOSE	41.6	32,896,100	10.6	2.2	234,600	12,444,600	116,288	22.37	3,912	19,196
MSB	HOSE	30.4	14,704,200	12.5	2.0	-	793,800	35,173	30.00	2,436	15,368
NVB	HNX	20.6	6,820,010		2.0	-	29,400	8,380	8.72	27	10,532
OCB	HOSE	32.3	9,274,600	9.7	1.9	2,092,300	124,500	35,398	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	32.5	36,472,895	16.1	2.2	204,600	73,808	62,580	4.03	2,013	14,631
SSB	HOSE	45.5	4,445,100	34.2	3.9	-	-	54,998	-	1,331	11,769
STB	HOSE	32.2	37,481,900	21.5	2.0	1,072,600	1,909,000	57,987	11.59	1,495	16,485
TCB	HOSE	54.6	13,371,600	13.4	2.4	-	5,600	191,368	22.49	4,074	22,566
TPB	HOSE	39.0	4,796,400	9.0	2.2	-	7,200	41,795	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	104.9	2,405,800	18.4	3.9	234,300	85,000	389,061	23.28	5,708	27,234
VIB	HOSE	74.0	1,296,600	14.0	4.2	115,900	50,300	82,095	20.48	5,297	17,420
VPB	HOSE	71.7	76,583,400	15.5	3.1	54,400	164,200	176,005	15.45	4,628	22,811
			299,646,955	17.56	2.50	5,271,200	20,039,408	1,916,225		3,004	17,388



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	CNC	UPCoM	28/06/2021	29/06/2021	14/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	PLX	HOSE	23/06/2021	24/06/2021	6/7/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	IMP	HOSE	23/06/2021	24/06/2021	16/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	KST	HNX	23/06/2021	24/06/2021	16/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	C32	HOSE	18/06/2021	21/06/2021	29/07/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	SKG	HOSE	17/06/2021	18/06/2021	9/7/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	GIL	HOSE	16/06/2021	17/06/2021	30/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	TYA	HOSE	15/06/2021	16/06/2021	7/7/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,750 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SSI	HOSE	15/06/2021	16/06/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	MLS	UPCoM	15/06/2021	16/06/2021	15/07/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	CNN	UPCoM	14/06/2021	15/06/2021	24/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	DBD	HOSE	14/06/2021	15/06/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
13	VSI	HOSE	14/06/2021	15/06/2021	30/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	NTL	HOSE	14/06/2021	15/06/2021	6/7/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	PMS	HNX	14/06/2021	15/06/2021	30/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	HMC	HOSE	14/06/2021	15/06/2021	29/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	TVT	HOSE	14/06/2021	15/06/2021	15/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	VMD	HOSE	14/06/2021	15/06/2021	25/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	DBM	UPCoM	14/06/2021	15/06/2021	25/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	KDH	HOSE	11/6/2021	14/06/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	ADP	UPCoM	11/6/2021	14/06/2021	2/7/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	ADP	UPCoM	11/6/2021	14/06/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1	Thưởng cổ phiếu
23	CLC	HOSE	11/6/2021	14/06/2021	28/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	OPC	HOSE	11/6/2021	14/06/2021	21/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	HDP	UPCoM	11/6/2021	14/06/2021	30/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	BMG	UPCoM	10/6/2021	11/6/2021	30/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	VTO	HOSE	10/6/2021	11/6/2021	24/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	DBC	HOSE	10/6/2021	11/6/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:

NRC, PTL, SCR

Xây dựng:

C69, SDU, S99

Dầu khí:

PVS, PVC, PVB

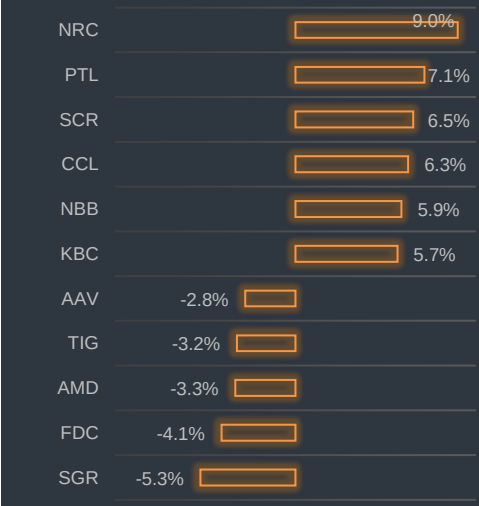
Chứng khoán:

PSI, SBS, CTS

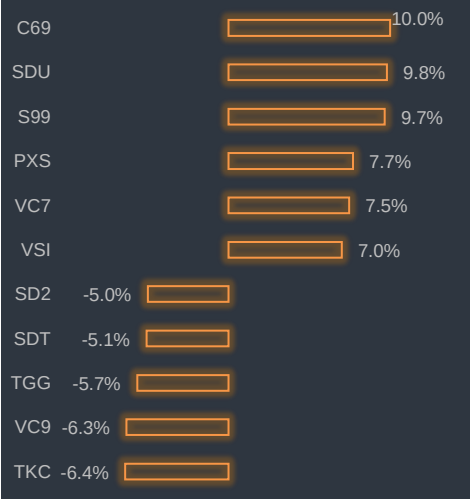
Ngân hàng:

MSB, OCB, EIB

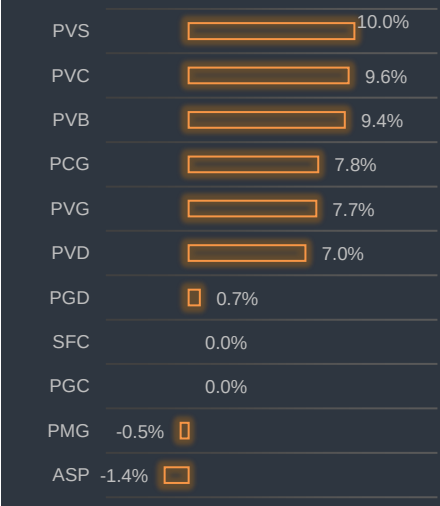
Bất động sản



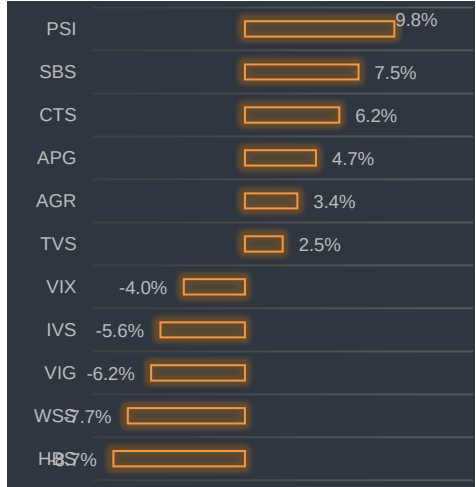
Xây dựng



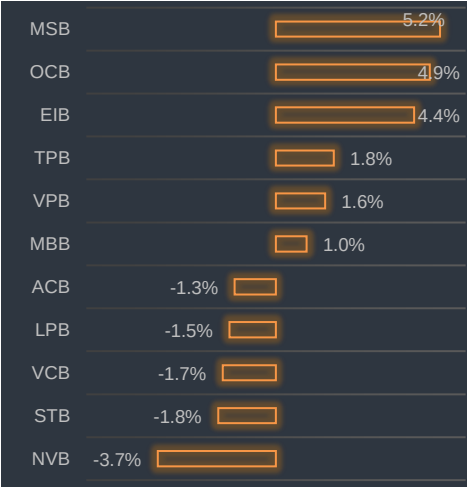
Dầu khí



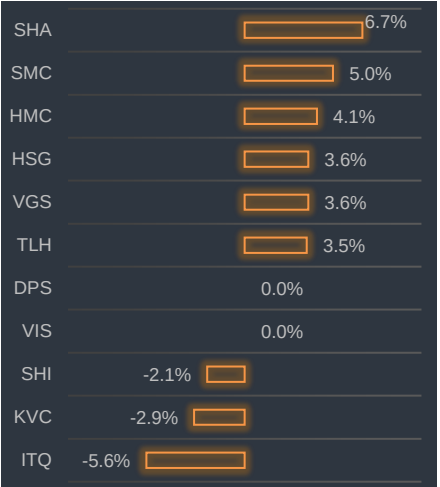
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép



Tổng hợp kế hoạch kinh doanh nhóm ngân hàng

Cổ phiếu	Kế hoạch 2021	VDL (tỷ VND)	LN 2020 (tỷ VND)	EPS	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi Nhuận 2020.Q1	yoy
BID	Tăng trưởng huy động vốn phù hợp với sử dụng vốn, dự kiến tăng trưởng 12%-15%. Tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2021 của BIDV dự kiến tăng trưởng 10%-12%; tỷ lệ nợ xấu kiểm soát không vượt 1,6%. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến đạt 13.000 tỷ đồng, tăng hơn 40% so với năm 2020. Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 12,2%	40,220	9,026	2,137	3,250	1,814	79%
CTG	Kế hoạch tăng trưởng dư nợ tín dụng 6-12%, vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư phù hợp với sử dụng vốn dự kiến 8-12%.năm 2021, Ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận từ 10 - 20%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%. VietinBank lấy ý kiến cổ đông tăng vốn điều lệ lên 48.000 tỷ đồng thông qua phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương tỷ lệ gần 28,8%	37,234	17,085	4,640	7,500	2,974	152%
VCB	Vietcombank được NHNN giao hạn mức tăng trưởng tín dụng 10,5% và có thể tăng khoảng 14%, cao nhất trong khối ngân hàng quốc doanh (chỉ khoảng 6 - 7,5%). Kế hoạch LN trước thuế năm 2021 khoảng 25,200 tỷ	37,089	23,050	5,354	7,000	5,223	34%
TCB	Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm nay là 19.800 tỷ đồng, tăng 25,3% so với kết quả năm 2020. Dư nợ tín dụng dự kiến đạt gần 356.200 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 12%. Giá trị huy động vốn (bao gồm chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng cá nhân) dự kiến đạt 334.291 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 14,7%.	35,049	15,800	4,264	6,000	3,121	92%
MBB	Năm 2021, MB đặt mục tiêu tăng lợi nhuận 25 – 30%, tương đương 14.610 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng riêng lẻ tại thời điểm cuối quý 1 khoảng 1,14%, so với mức 1,46% cùng kỳ. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu gần 150% (tức là 100 đồng nợ xấu thì ngân hàng dự phòng gần 150 đồng).	27,988	10,688	3,742	4,600	2,196	109%
VPB	Thương vụ thoái vốn khỏi FE Credit của VPBank có thể được hoàn thành trong nửa đầu trong năm 2021 với mức định giá cổ phiếu vào khoảng 3 - 4 lần giá trị sổ sách. Việc bán 49% vốn tại FE Credit sẽ mang về khoản lãi sau thuế 21.000 tỷ đồng. Số tiền này không được ghi nhận như một khoản thu nhập trong kết quả kinh doanh nhưng sẽ làm gia tăng nguồn vốn tự có và giảm chi phí vốn bình quân cho VPBank.	25,300	13,019	4,461	4,000	2,911	37%
ACB	ACB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 9% và tăng vốn điều lệ lên 27.019 tỷ đồng thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%. tổng tài sản tăng 10%, tiền gửi khách hàng và tín dụng đều tăng 9%. Lợi nhuận sau thuế dự kiến là 8.482 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%.	21,616	9,596	3,986	3,100	1,925	61%

HDB	HDBank (HDB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 7.281 tỷ đồng, tăng 25% so với năm trước. Tổng tài sản dự kiến tăng 25% đạt 399.320 tỷ đồng, trong đó dư nợ tín dụng tăng 26% đạt 236.758 tỷ đồng và tổng huy động vốn tăng 25% lên 359.851 tỷ đồng. Ngân hàng cũng trình kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm hơn 4.200 qua chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%. Ngân hàng sẽ trình xin ý kiến các cổ đông về việc chấm dứt việc sáp nhập với PGBank	16,088	5,818	3,042	1,550	1,251	24%
SSB	SeABank (SSB) đặt mục tiêu lãi trước thuế 2.414 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản đến cuối năm lên kế hoạch tăng 10%, đạt 198.229 tỷ đồng. Huy động tiền gửi của khách hàng ở mức 124.277 tỷ đồng, dư nợ cho vay khách 122.978 tỷ đồng, lần lượt tăng 9,7% và 13%. Tỷ lệ nợ xấu dự kiến duy trì dưới 3%.	12,087	1,729	1,402	698	309	126%
MSB	kế hoạch kinh doanh năm 2021 lợi nhuận trước thuế đạt 3.280 tỷ đồng, tăng 30%. Tổng tài sản tính đến cuối năm 2021 mục tiêu đạt 190.000 tỷ đồng, tăng 8%. Trong đó, dư nợ tín dụng đạt 106.208 tỷ đồng, tăng 125%. Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn đạt 114.105 tỷ đồng, tăng 15%. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.	11,750	2,523	2,338	1,200	290	314%
VIB	VIB đặt kế hoạch tăng trưởng tổng tài sản 26%, đưa tài sản của ngân hàng lên trên 300.000 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng lên 225.000 tỷ đồng, tương đương 31%. Mục tiêu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 29%, lên trên 7.500 tỷ đồng. VIB dự kiến tăng vốn bằng hình thức chia cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu 40% và dự kiến phát hành chào bán cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau các phương án tăng vốn này là khoảng 16.000 tỷ đồng,	11,094	5,803	4,706	1,800	1,075	67%
OCB	Ngân hàng xác định mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản khoảng 25% và lợi nhuận tăng 30% khoảng trên 5700 tỷ. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 20%. Tiếp tục bán vốn cho NĐTNN. Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại OCB là 20,13% trong khi room ngoại của ngân hàng đang được khoá ở ngưỡng 22%.	10,959	4,419	3,349	1,275	1,107	15%
TPB	TPBank (HoSE: TPB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 5.500 tỷ đồng, tăng 25% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản lên kế hoạch tăng 21% ở mức 250.000 tỷ đồng. Tổng huy động đặt mục tiêu tăng 20% lên 221.893 tỷ đồng. Dư nợ cho vay và trái phiếu tổ chức kinh tế lên mục tiêu tăng 25% lên 165.434 tỷ đồng, tùy thuộc vào mức Ngân hàng Nhà nước cho phép. Tỷ lệ nợ xấu kế hoạch duy trì dưới 2%.	10,717	4,389	3,568	1,400	1,009	39%

EPS: Cập nhật đến Q1.2021



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931